

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA  
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Phúc

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp Phú H 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Nh, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Bình Phú 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/02/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nh tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân vào năm

2009. Có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang số 132/2010, quyển số I/2010 ngày 05/8/2010. Sau khi cưới, chị về sống chung với gia đình chồng được thời gian ngắn thì về nhà cha mẹ ruột chị sống. Cuộc sống vợ chồng H phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nh thường hay cò bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường hay đánh đập chị, vợ chồng hay cự cãi nhau không H phúc. Giữa chị và anh Nh ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm với anh Nh nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Trần Minh Phụng E sinh ngày 10/6/2010. Hiện con chung đang sống với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Trần Văn Nh không tham gia tố tụng tại Tòa án*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn anh Trần Văn Nh vắng mặt không tham gia phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật:* trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Ngọc H.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ tranh chấp:* Chị Trần Thị Ngọc H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn anh Trần Văn Nh ngày 21/4/2023 tại văn phòng ấp Bình Ph 2 và có

xác nhận Công an xã Bình H, huyện Châu Thành, An Giang thể hiện anh Nh không có mặt địa phương do đi làm thuê tại Bình Dương nhưng vẫn đăng ký thường trú tại địa chỉ trên. Thỉnh thoảng Nh có về nhà cha mẹ ruột tại ấp Bình Ph 2, xã Bình H, Châu Th, An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản Điều 179 BLTTDS 2015. Anh Nh không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nh.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về hôn nhân: giữa chị H và anh Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang số 132/2010, quyển số I/2010 ngày 05/8/2010. Hôn nhân giữa anh chị phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị. Mục đích tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ; Tuy nhiên, chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Anh Nh không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Đồng thời, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều này, thể hiện anh Nh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, Tòa án tiến hành thu thập, xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị nhưng không được cụ thể: Biên bản không tiến hành lấy lời khai anh Nh được ngày 21/4/2023; Giữa anh chị đã ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay, cả chị H và anh Nh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy cả anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị H có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Trần Minh Phụng E sinh ngày 10/6/2010. Hiện con chung do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

Đồng thời căn cứ văn bản trình bày nguyện vọng của cháu Phụng E ngày 24/11/2022 thể hiện cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với

mẹ là chị H.

Anh Nh không tranh chấp về con chung. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, căn cứ quyền lợi về mọi mặt của các con giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: HĐXX không xem xét

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

*[3] Về án phí sơ thẩm:*

Chị Trần Thị Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

*[4] Quyền kháng cáo:*

Chị H, anh Nh có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H, chị H được ly hôn với anh Trần Văn Nh.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132/2010, quyền số I/2010 ngày 05/8/2010 tại UBND xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: chị Trần Thị Ngọc H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Minh Phụng E sinh ngày 10/6/2010. Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Nh trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: HĐXX không xem xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003049 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ( chị H đã nộp xong)

5. Quyền kháng cáo: chị Trần Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2023); Riêng anh Trần Văn Nh được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Thùy Trang**

